

Bản án số: 1068/2024/HC-PT
Ngày 23 – 9 – 2024
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 661/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 8 năm 2024 về “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2864/2024/QĐ-PT ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị N; sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Lê T, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phạm Lê D thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Có mặt).

2. Người bị kiện: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quang K, Chức vụ: Giám đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Dương Tấn P, Chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Tấn P, Chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị N ngày 13/12/2023 và lời trình bày của người đại diện:

Bà Nguyệt có phần đất diện tích 1.633,5m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy CNQSD đất số CS09418, tại thửa đất số 378, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T. Ngày 08/5/2023 thông qua người đại diện có nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa để yêu cầu đo đạc tách thửa đất 378 thành 04 thửa cho con của bà N. Bộ phận chuyên môn có xuống kiểm tra hiện trạng và ra sơ đồ hiện trạng thửa đất. Theo giấy hẹn của bộ phận một cửa là đến ngày 22/5/2023 sẽ trả kết quả. Tuy nhiên đến nay bộ phận một cửa vẫn chưa trả kết quả đo đạc cho bà N. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T trả kết quả đo đạc tách thửa 378, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m² cho bà N.

Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T tại văn bản số 580/VPĐKĐĐ-HCTH ngày 06/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T trình bày:

Ngày 08/5/2023, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T có tiếp nhận hồ sơ của bà Trần Thị N, thực hiện yêu cầu đo đạc tách thửa tại thửa đất số 378 tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác; Tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T. Bà Nguyệt yêu cầu tách thành 04 thửa, trong đó 03 thửa để tặng cho các con của bà N, còn 01 thửa để lại cho bà N. Sau khi tách thửa 378 sẽ hình thành các thửa đất mới không đảm bảo về diện tích theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh T quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 8 Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh T. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T có phiếu trình số 03/PTr-VPĐK ngày 24/5/2023 gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T để trình UBND thành phố T xem xét.

Ngày 17/7/2023, UBND thành phố T ban hành công văn số 1081/UBND về việc có ý kiến tách thửa đất nhưng không đảm bảo yêu cầu về kích thước tối thiểu theo quy định. Nội dung công văn có nêu “UBND thành phố T không đồng ý việc tách thửa đất của bà Trần Thị N tại thửa đất số 378 tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác; Tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T”.

Do đó Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T không thực hiện tách thửa đất theo yêu cầu của bà Trần Thị N là đúng quy định của pháp luật. Nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T có văn bản số 27/BC-VPĐKĐĐ-CNTPTN tham mưu cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T có cùng nội dung:

Bà Nguyệt yêu cầu tách thành 04 thửa, trong đó 03 thửa để tặng cho các con của bà N, còn 01 thửa để lại cho bà N. Sau khi tách thửa 378 sẽ hình thành các thửa đất mới không đảm bảo về diện tích theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh T quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Nên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T không thực hiện yêu cầu tách thửa cho bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã căn cứ: Điều 32, Điều 116 và Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T thực hiện yêu cầu tách thửa đất 378 tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m² và trả kết quả đo đạc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 03/6/2023, bà Trần Thị N có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không khách quan, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Dương Lê T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Bà Nguyệt có đủ các điều kiện để yêu cầu tách thửa, việc tách thửa này là phổ biến, có căn cứ theo quy định của pháp luật và mục đích tách thửa là để tặng cho các con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn Kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị N trong hạn luật định và hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Trần Thị N yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T thực hiện đo đạc tách thửa đối với đất 378 tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m², nhưng không được chấp nhận. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T thực hiện yêu cầu trên.

[2.2] Xét thấy, vào ngày 08/5/2023 Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T có tiếp nhận hồ sơ của bà Trần Thị N, thực hiện yêu cầu đo đạc tách thửa tại thửa đất số 378 tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T thành 04 thửa. Mục đích trong đó có 03 thửa để tặng cho các con, còn 01 thửa để lại cho bà N. Sau khi tách thửa 378 sẽ hình thành các thửa đất mới (thửa 385 diện tích 370m², thửa 386 diện tích 334,2m², thửa 387 diện tích 394,6m², thửa 388 diện tích 534,7m²) không đảm bảo về diện tích theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh T, quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh là 500m².

Căn cứ vào điểm b khoản 1; điểm b khoản 4 Điều 8 Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh T. Văn phòng đăng ký đất

đại tỉnh T, chi nhánh thành phố T có phiếu trình số 03/PTr-VPĐK ngày 24/5/2023 gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T để trình UBND thành phố T xem xét.

Đến ngày 17/7/2023, UBND thành phố T ban hành công văn số 1081/UBND về việc có ý kiến tách thửa đất nhưng không đảm bảo yêu cầu về kích thước tối thiểu theo quy định. Nội dung công văn có nêu “UBND thành phố T không đồng ý việc tách thửa đất của bà Trần Thị N tại thửa đất số 378 tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác; Tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T”.

[3] Từ những căn cứ trên, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà N phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Trần Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 32, Điều 116 và Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, chi nhánh thành phố T thực hiện yêu cầu tách thửa đất 378 tờ bản đồ số 31, diện tích 1.633,5m² và trả kết quả đo đạc.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Mười